

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HK I TOÁN 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1

1) Tập hợp các chữ cái trong từ “MUI CA MAU”. Em hãy chọn câu trả lời đúng:

A. $A = \{M, U, I, C, A, M, A, U\}$

B. $B = \{M, U, I, C, U, N\}$

C. $C = \{A, B, C, D, M, I\}$

D. $D = \{M, U, I, C, A\}$

2) Tập hợp các số tự nhiên bé hơn 8. Em hãy chọn câu trả lời đúng:

A. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

B. $B = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$

C. $C = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$

D. $D = \{x \in N \mid x \leq 8\}$

3) Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 201 và không lớn hơn 209. Em hãy chọn câu trả lời đúng:

A. $A = \{x \in N \mid 201 \leq x \leq 209\}$

B. $B = \{x \in N \mid 201 < x \leq 209\}$

C. $C = \{x \in N \mid 201 \leq x < 209\}$

D. $D = \{202; 203; 204; 205; 206; 207; 208\}$

4) Cho tập hợp M các số chẵn nhỏ hơn 10. Cách viết nào dưới đây là sai?

A. $M = \{x \mid x \text{ là số chẵn nhỏ hơn } 10\}$

B. $M = \{x \mid x \text{ là số chia hết cho 2 và nhỏ hơn } 10\}$

C. $M = \{2; 4; 6; 8\}$

D. $M = \{0; 2; 4; 6; 8\}$

5) Cho E là tập hợp các chữ cái tiếng Việt có mặt trong từ “NHA TRANG”. Trong các khẳng định sau, hãy chọn khẳng định đúng?

A. $N \notin E$

B. $U \in E$

C. $T \in E$

D. $Q \in E$

Câu 2

1) Trong các số sau số nào chia hết cho 2, 3, 5, 9?

A. 5400 B. 6900 C. 2100 D. 7800

2) Cho các số sau: 2982; 1997; 3534; 2006; 2610. Tất cả các số chia hết cho 3 trong các số trên là:

A. 2982; 1997; 3534; 2006

B. 2982; 3534

C. 3534; 2006

D. 2982; 3534; 2610

3) Em hãy chọn đáp án đúng trong các đáp án sau:

Trong các số: 2055; 6430; 5041; 2341; 5641; 23015

A. Các số chia hết cho 5 là: 2055; 6430; 5041; 2341

B. Các số chia hết cho 5 là: 5041; 2341; 5641

C. Các số chia hết cho 5 là: 2055; 6430; 23015

D. Các số chia hết cho 5 là: 2055; 6430; 23015; 5641

4) Chọn câu sai trong các câu sau:

A. $18+54+12$ chia hết cho 9.

B. $84+48+120$ chia hết cho 2.

C. $49+105+399$ chia hết cho 7.

D. $180+54+215$ không chia hết cho 5.

5) Trong các số sau, số nào chia hết cho 2; 3; 9 nhưng không chia hết cho 5?

A. 180. B. 536. C. 214. D. 432

Câu 3

1) Phân tích 126 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả ?

A. $126 = 2^2 \cdot 3^3$ B. $126 = 2 \cdot 3^2 \cdot 7$ C. $126 = 2 \cdot 3^2 \cdot 5$ D. $126 = 3 \cdot 5 \cdot 7^2$

2) Phân tích số 154 ra thừa số nguyên tố được kết quả ?

A. $154 = 2 \cdot 7 \cdot 11$ B. $154 = 1 \cdot 5 \cdot 4$ C. $154 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$ D. $154 = 2^3 \cdot 7 \cdot 13$

3) Phân tích 240 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả ?

A. $240 = 2^4 \cdot 5 \cdot 7$ B. $240 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7$ C. $240 = 2^4 \cdot 3 \cdot 5$ D. $240 = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$

4) Phân tích 840 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả ?

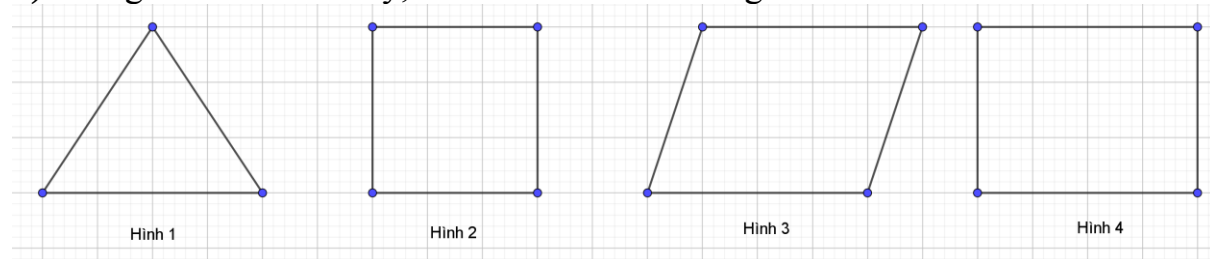
A. $840 = 2^4 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7$ B. $840 = 3^3 \cdot 5 \cdot 7$ C. $840 = 2^2 \cdot 3^3 \cdot 5$ D. $840 = 2^3 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7$

5) Phân tích 456 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả ?

A. $456 = 2^2 \cdot 7 \cdot 11$ B. $456 = 2^3 \cdot 3 \cdot 19$ C. $456 = 2^2 \cdot 3 \cdot 19$ D. $456 = 2^3 \cdot 3 \cdot 13$

Câu 4

1) Trong các hình sau đây, hình nào là hình vuông?



A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

2) Hình vuông $ABCD$ là hình có bốn cạnh:

A. AB, BC, CD, DB .

B. AC, BC, CD, DC .

C. AB, BC, CD, DA .

D. AB, BC, BD, DA .

3) Hình vuông $ABCD$ là hình có hai đường chéo:

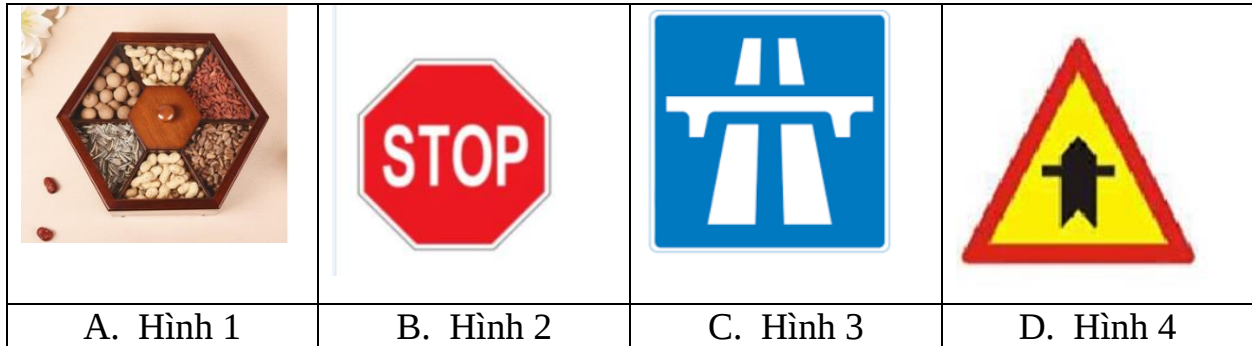
A. AB và BC .

B. BC và CD .

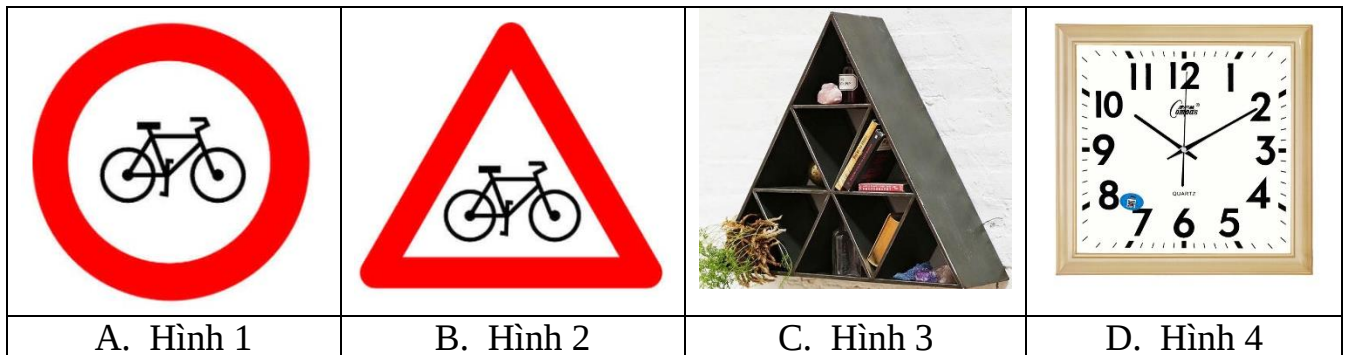
C. AC và BD .

D. AC và BA .

4) Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?



5) Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?



Câu 5

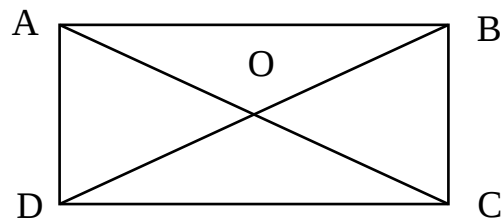
1) Cho $ABCD$ là hình chữ nhật và O là giao điểm 2 đường chéo, hãy chọn câu sai.

A. $AB = CD, AD = BC$

B. $AC = BD$

C. $AO = OB$

D. $OC > OD$



2) Chọn phát biểu sai ?

A. Hình có 4 đỉnh là hình chữ nhật

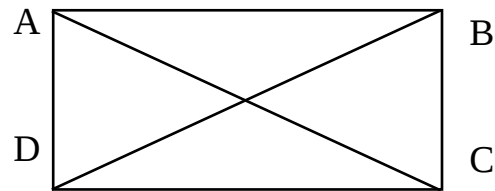
B. Hình chữ nhật có 4 đỉnh

C. Hình chữ nhật có 2 cặp cạnh đối song song

D. Hình chữ nhật có 2 đường chéo bằng nhau

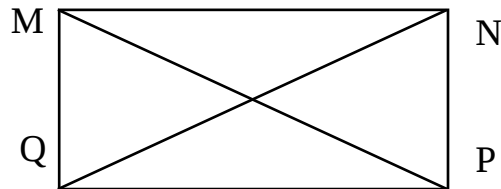
3) Cho hình chữ nhật ABCD, phát biểu nào đúng ?

- A. $AB = AC$
- B. $AC = DC$
- C. $AC = BD$
- D. $AB = BD$



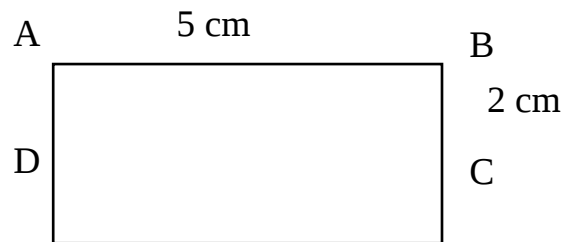
4) Cho hình chữ nhật MNPQ, chọn câu đúng.

- A. $MN = NP$
- B. $MP = MN$
- C. $PQ = NP$
- D. $MP = NQ$



5) Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 5 \text{ cm}$, $BC = 2 \text{ cm}$, chọn câu đúng

- A. $CD = 5 \text{ cm}$
- B. $CD = 2 \text{ cm}$
- C. $CD = 7 \text{ cm}$
- D. $CD = 3 \text{ cm}$



Câu 6

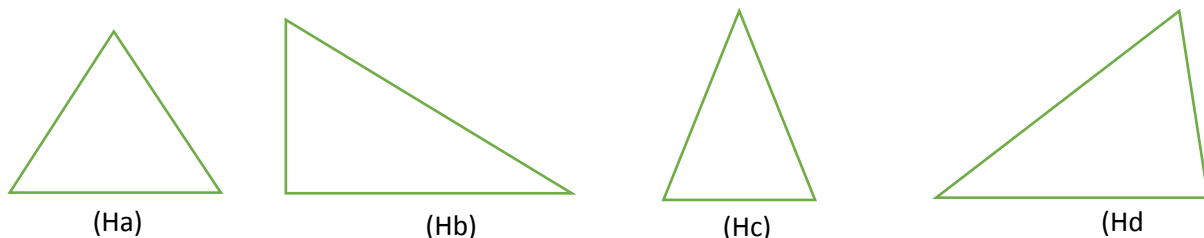
Câu 1: Cho tam giác đều ABC có $AB = 4 \text{ cm}$, khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $BC = 3 \text{ cm}$
- B. $AC = 4 \text{ cm}$
- C. $BC = 6 \text{ cm}$
- D. $AC = 5 \text{ cm}$

Câu 2: Chọn phát biểu sai?

- A. Tam giác đều có ba cạnh
- B. Ba cạnh của tam giác đều bằng nhau
- C. Bốn góc của tam giác đều bằng nhau
- D. Tam giác đều có ba đỉnh

Câu 3: Cho các hình sau. Khẳng định nào sau đây đúng?



- A. Hình (Ha) là tam giác đều
- B. Hình (Ha) và (Hb) là tam giác đều
- C. Hình (Hc) là tam giác đều
- D. Hình (Ha); (Hb); (Hc) là tam giác đều

Câu 4: Cho phát biểu sau: “..... là hình có ba cạnh bằng nhau và ba góc ở ba đỉnh

bằng nhau bằng 60^0 ” Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

- A. Hình thoi
- B. Hình vuông
- C. Hình lục giác đều
- D. Hình tam giác đều

Câu 5: Sắp xếp các bước vẽ hình tam giác đều ABC cạnh 5 cm:

- 1) Vẽ đường tròn tâm A bán kính 5cm và đường tròn tâm B bán kính 5cm
- 2) Vẽ đoạn thẳng AB bằng 2cm
- 3) Nối các điểm A với C, B với C ta được tam giác đều ABC cạnh 5cm
- 4) Hai đường tròn tâm A và tâm B cắt nhau tại điểm C

- A. 1 – 3 – 2 – 4
- B. 1 – 2 – 4 – 3
- C. 2 – 3 – 1 – 4
- D. 2 – 1 – 4 – 3

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1

- 1) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 11 bằng hai cách
- 2) Viết tập hợp B các số tự nhiên lớn hơn 11 và không vượt quá 17 bằng hai cách
- 3) Viết tập hợp C các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 8 và không vượt quá 13 bằng hai cách
- 4) Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử và điền dấu $\in$ (thuộc) ; $\notin$ (không thuộc) thích hợp vào ô trống.

$$D = \{ x \in \mathbb{N} / 12 < x < 16 \}$$

12 D;

15 D;

16 D

- 5) Viết tập hợp E các số tự nhiên không vượt quá 6 bằng hai cách.

Bài 2

- 1) Tính diện tích hình bình hành có độ dài 1 cạnh là 10 cm và chiều cao tương ứng là 5 cm.
- 2) Tính diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo là 40 cm và 20 cm.
- 3) Tính diện tích hình thang cân có độ dài hai cạnh đáy là 5 cm và 3 cm; chiều cao là 4 cm.
- 4) Tính diện tích hình chữ nhật có độ dài hai cạnh là 5 cm và 8 cm.
- 5) Tính diện tích hình vuông có độ dài một cạnh là 10 cm.

Bài 3

- 1) a/ $2.5^3 + 35.14$
b/ $2020 : [8.15 - (18 - 8)^2]$
- 2) a/ $3^5 : 3^2 + 2^3.2^2$
b/ $130 - 3.(5.2^4 - 5^2.2)$
- 3) a/ $6^3.57 + 43.6^3$
b/ $25 - [49 - (2^3.17 - 2^3.14)]$
- 4) a/ $15.2^3 - 4.3^2$
b/ $327 - 27.[(3^3 + 2020^0) : 7 - 2]$
- 5) a/ $3^5 : 3^3 - 2^3 + 7$
b/ $46 - [12 + 5.(32 : 16)^2]$

Bài 4

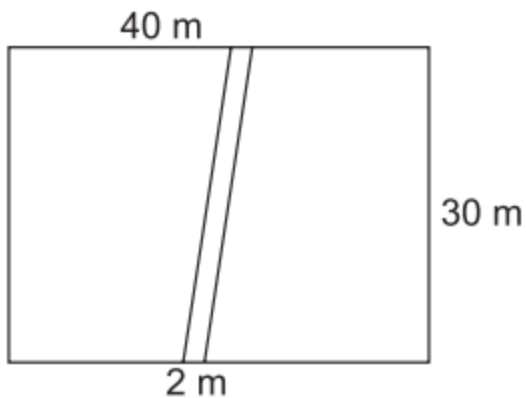
- 1) a) $2x + 12 = 32.8$
b) $256 - 2.(x - 3) = 178$
- 2) a) $3x - 12 = 111$
b) $219 - 7.(x + 5) = 121$
- 3) a) $2x - 128 = 23.32$
b) $219 - 7.(x + 5) = 121$
- 4) a) $3x + 373 = 925$
b) $(2x + 1).2907 = 8721$
- 5) a) $123 - 3x = 42$
b) $(5x + 535) : 2 = 400$

Bài 5

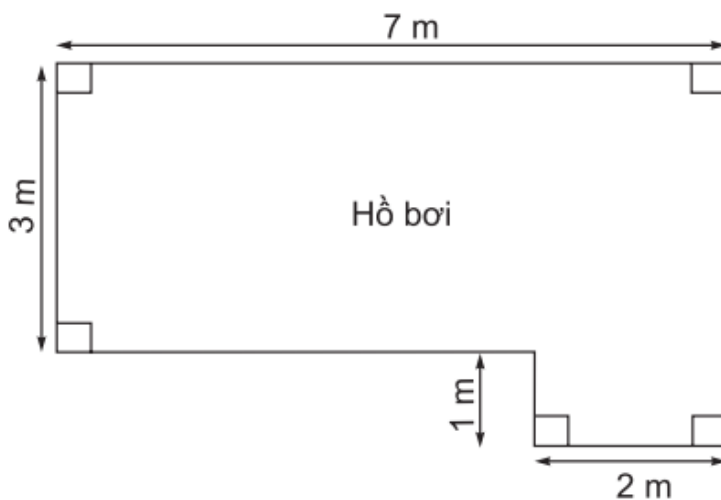
- 1) Cô phụ trách đội muốn chia đều 36 bạn đội viên nam và 42 đội viên nữ vào các nhóm để sinh hoạt đội. Hỏi cô chia được nhiều nhất mấy nhóm? Mỗi nhóm có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?
- 2) Để chuẩn bị cho buổi liên hoan học kỳ một, lớp 6A mua 80 cái bánh ngọt và 56 trái táo để chia đều vào các đĩa. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu cái bánh ngọt, bao nhiêu quả táo?
- 3) Một doanh nghiệp tài trợ cho một trường học 540 cuốn tập và 360 hộp bút. Trường muốn chia đều số tập và hộp bút vào các phần quà sao cho số tập và số hộp bút mỗi phần quà là như nhau. Hỏi trường có thể chia nhiều nhất bao nhiêu phần quà? Khi đó mỗi phần quà có bao nhiêu cuốn tập, bao nhiêu hộp bút?
- 4) Tại bến xe, cứ 15 phút có 1 taxi rời bến và 20 phút có 1 xe bus rời bến. Lúc 6 giờ có 1 xe taxi và 1 xe bus rời bến cùng một lúc. Hỏi lúc mấy giờ lại có 1 xe taxi và 1 xe bus cùng rời bến lần thứ hai?
- 5) Bạn Học cứ 4 ngày đến thư viện một lần. Bạn Hành thì 5 ngày mới đến thư viện một lần. Lần đầu 2 bạn đến thư viện vào cùng một ngày. Hỏi sau bao nhiêu ngày nữa thì 2 bạn lại gặp nhau lần thứ hai?

Bài 6

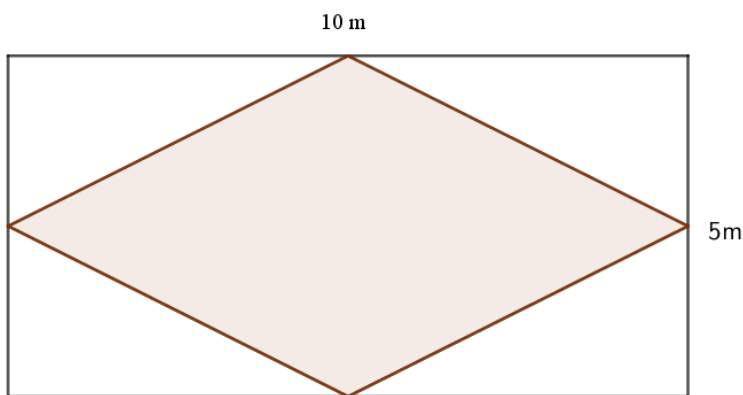
1) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 40m, chiều rộng 30m với lối đi hình bình hành rộng 2m (xem hình bên). Tính diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi.



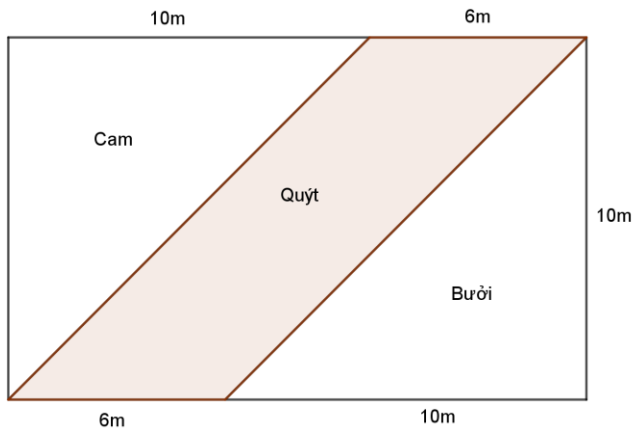
2) Tính chu vi và diện tích của hồ bơi có kích thước như hình vẽ sau:



3) Trên mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 10 m và chiều rộng 5 m. Người ta làm một bồn hoa hình thoi như hình vẽ. Em hãy tính diện tích phần còn lại của mảnh đất.



4) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 16m, chiều rộng 10m. Người ta phân ra khu vực trồng cam, quýt, bưởi. Tính tổng diện tích của phần vườn trồng quýt và bưởi?



5) Sân nhà bà Thu hình chữ nhật có chiều dài 15m và chiều rộng 9m. Bà Thu mua loại gạch lát nền hình vuông có cạnh 0,6m để lát sân. Biết rằng mỗi thùng có 5 viên gạch. Hỏi bà Thu cần bao nhiêu thùng gạch để đủ lát sân?